

NGHIÊN CỨU THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN NĂM 4 KHOA TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ ĐỐI VỚI CÁC GIỌNG TIẾNG ANH

Trương Khánh Mỹ*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 16/01/2020; Hoàn thành phản biện: 26/02/2020; Duyệt đăng: 28/04/2020

Tóm tắt: Bài nghiên cứu này trình bày một số dữ liệu thực nghiệm về thái độ và nhận thức của 56 sinh viên năm 4 của Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về giọng Anh-Anh, Anh-Mỹ và giọng tiếng Anh của người Việt. Nghiên cứu cho thấy rằng người tham gia đặc biệt yêu thích giọng Anh-Mỹ trên các khía cạnh chính như “địa vị” và “sự hấp dẫn” (của ngôn ngữ). Các kết quả này được thảo luận với dựa trên “lý thuyết sức sống” cũng như “giả thuyết cộng hưởng ngôn ngữ-văn hóa” và “giả thuyết khác biệt ngôn ngữ-văn hóa”). Vì vậy, trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay, cần có sự thay đổi cần thiết trong chương trình giảng dạy cũng như trong bản thân mỗi giảng viên để giúp sinh viên nhận thức và dần xóa bỏ những định kiến về các giọng không phải là bản ngữ.

Từ khóa: Cộng hưởng ngôn ngữ-văn hóa, khác biệt ngôn ngữ-văn hóa, giọng tiếng Anh, thái độ ngôn ngữ

1. Mở đầu

Ngày nay, nhiều nghiên cứu đã phát hiện ra rằng thái độ của học sinh đối với một ngoại ngữ đóng vai trò quan trọng trong thành tích học tập của họ. Thái độ tích cực có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn cho quá trình học tập trong khi thái độ tiêu cực có thể cản trở quá trình này. Vì vậy, cần tiến hành nghiên cứu về thái độ của người học ngoại ngữ đối với ngoại ngữ đó để góp phần nâng cao thành tích học tập của người học. Trong dạy và học ngoại ngữ thì phát âm là một vấn đề quan trọng. Ở Việt Nam, trong suy nghĩ của nhiều sinh viên thì giọng Anh-Mỹ hoặc Anh-Anh được xem như là chuẩn mực và những giọng này giúp sinh viên có được cách nói gần với người bản ngữ nhất có thể cũng như hỗ trợ tốt nhất cho việc học tiếng Anh (Nguyễn Quỳnh Trang, 2015). Tuy nhiên, theo McGee (2009) và Fang (2017), trong thời đại mà tiếng Anh được xem như là ngôn ngữ cầu nối (lingua franca) thì các giọng tiếng Anh của các quốc gia mà ở đó tiếng Anh không được xem như ngôn ngữ mẹ đẻ cũng nhận được sự quan tâm lớn trong thời gian gần đây và các phương pháp dạy học đã và đang hướng đến việc cho người học tiếp xúc nhiều với các giọng tiếng Anh khác nhau.

Thông qua nghiên cứu này tác giả mong muốn nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc tiếp xúc với nhiều loại giọng khác nhau đối với kết quả học tập của họ (ví dụ trong kỹ năng nghe hiểu) cũng như cơ hội nghề nghiệp sau này trong bối cảnh tiếng Anh ngày nay được xem như ngôn ngữ cầu nối giữa các quốc gia trên thế giới. Thứ hai, tác giả muốn tìm hiểu xem có mối tương quan nào hay không giữa thái độ của người học đối với các nền văn hóa và thái độ đối với giọng tiếng Anh của các nền văn hóa đó. Trong nghiên cứu này tác giả tập trung tìm câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu sau.

1. Sinh viên đánh giá như thế nào về giọng Anh-Anh, Anh-Mỹ và giọng tiếng Anh ở những vùng mà tiếng Anh không được sử dụng như ngôn ngữ mẹ đẻ?

2. Tại sao một số giọng tiếng Anh lại được đánh giá cao hơn các giọng khác?

* Email: tkmy@hueuni.edu.vn

3. Thái độ của họ đối với văn hóa Anh và văn hóa Mỹ có liên quan gì đến thái độ của họ đối với giọng tiếng Anh của những nền văn hóa này hay không?

2. Cơ sở lý luận

2.1. Giọng tiếng Anh

Theo Oxford Advanced Learner's dictionary (OALD) (2015), giọng được định nghĩa là cách thức phát âm của từ ở một ngôn ngữ mà thông qua đó có thể nói lên được đất nước, vùng hoặc địa vị xã hội của người sử dụng giọng đó. Xét trên khía cạnh ngôn ngữ xã hội học, Becker (1995) định nghĩa giọng là “một phần ngôn ngữ của một người thể hiện bản sắc đất nước/dân tộc hoặc giúp nhận ra nguồn gốc địa lý của người nói cho dù người đó có đang dùng ngôn ngữ nào đi nữa” (tr. 37). Nói cách khác, “giọng” là một trong các khía cạnh có thể giúp ta nhận biết được cộng đồng ngôn ngữ của người nói. Như đã biết, trong tiếng Anh có rất nhiều loại biến thể. Ngoài các biến thể bản ngữ được sử dụng ở các nước Anh, Mỹ, Canada, Úc, v.v... thì ngôn ngữ này đã phân hóa thành nhiều loại tiếng Anh trên thế giới. “Tiếng Anh thế giới” “là một thuật ngữ mà gần đây người ta có khuynh hướng sử dụng để mở rộng khái niệm tiếng Anh không chỉ thuộc về những nước nói tiếng Anh bản ngữ mà còn chỉ các loại tiếng Anh được dùng bởi hầu hết những quốc gia không nói ngôn ngữ này như tiếng mẹ đẻ” (Ngô Hữu Hoàng, 2013, tr. 62).

Theo Holmes (1997) thuật ngữ này dùng để chỉ một ngôn ngữ được xem như là phương tiện giao tiếp thông thường giữa các nhóm người trong một cộng đồng đa ngôn ngữ. Bất kể nó có tính chuẩn mực bản ngữ hay không và bất kể người nói nó là ai thì bất kỳ một biến thể tiếng Anh nào cũng đều có thể được gọi là biến thể tiếng Anh (Jenkins, 2015).

2.2. Tiếng Anh chuẩn và giọng

Về khái niệm tiếng Anh chuẩn, đây là một khái niệm gây nhiều tranh cãi bởi tiếng Anh ngày nay ngày càng bị bản địa hóa bởi những đất nước sử dụng nó như ngôn ngữ thứ hai và ngoại ngữ. Một ví dụ đó là việc sử dụng câu hỏi đuôi “is it” của người Singapore trong rất nhiều trường hợp bất kể chủ ngữ của câu đó là gì. Việc sử dụng này phản ánh cách suy nghĩ và thái độ văn hóa của người Singapore chứ không phải được dùng như cách mà các mẫu tiếng Anh chuẩn mực thường quy định (Wong, 2014). Như vậy, có vẻ như tiếng Anh đang ngày càng mang dấu ấn ngôn ngữ và văn hóa đậm nét ở những nơi mà chúng được sử dụng, vấn đề ở đây là ở mức độ nào mà thôi (Ngô Hữu Hoàng, 2013). Trudgill và Hannah (1994, tr. 1) định nghĩa “Tiếng Anh chuẩn” là “một biến thể của ngôn ngữ Anh thường được sử dụng trong viết và thường được nói bởi những người có học thức”. Hai biến thể tiếng Anh chuẩn được thảo luận đó là Tiếng Anh Bắc Mỹ và tiếng Anh của người Anh (tr. 2-3). Trudgill and Hannah (1994) lưu ý rằng “tiếng Anh chuẩn đề cập đến ngữ pháp và từ vựng (phương ngữ) chứ không phải phát âm (giọng)” (tr. 1). Wardhaugh (1998) cũng chỉ ra rằng “không thể nói tiếng Anh mà không sử dụng một giọng nào đó” (tr. 43) và cũng vì vậy không có cái gọi là “tiếng Anh không có giọng”. Qua đó có thể hiểu được rằng tiếng Anh chuẩn có thể được nói bằng giọng Anh, giọng Mỹ, giọng Hàn Quốc, giọng Pakistan và tiếng Anh không chuẩn cũng có thể được nói bởi các giọng này (Sewell, 2005).

Kachru (1992) thể hiện mối quan hệ giữa tiếng Anh được sử dụng bởi các nước trên thế giới bằng mô hình “Ba vòng tròn đồng tâm” Qua mô hình này có thể hiểu cụm từ “World Englishes” gồm “vòng tâm” thuộc về các nước nói Tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, “vòng ngoài” thuộc về các nước sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Vòng này bao gồm các nước trước đây là thuộc địa cũ của Anh và Mỹ. “Vòng mở rộng” thuộc về các nước nói tiếng Anh như một ngoại ngữ. Có thể thấy được rằng với sự “khuếch tán ngôn ngữ” trên khắp thế giới thì mô hình này không còn chính xác bởi ranh giới giữa 3 vòng tròn đang ngày càng

bị xóa nhòa. Sự khuếch tán này còn có ảnh hưởng sâu sắc tới các cộng đồng ngôn ngữ và văn hóa, nơi mà tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai và ngoại ngữ trong giao tiếp liên văn hóa (Ngô Hữu Hoàng, 2013).

Giọng “chuẩn” (standard) ở Vương quốc Anh được gọi là “RP” (Received Pronunciation) hoặc BBC Pronunciation. Đây là giọng được hầu hết các thành viên hoàng gia và phần lớn phát thanh viên BBC sử dụng. Ở Mỹ, giọng General American (GA) được xem là giọng chuẩn. Việc lấy dẫn chứng là BBC English gợi ý rằng cách gần nhất để có thể tiếp cận giọng Tiếng Anh “chuẩn” là thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Điều này đặc biệt đúng đối với những người học Tiếng Anh như là một ngoại ngữ một khi họ có mong muốn tiếp cận với một giọng chuẩn và xem đó là mục tiêu. Trong nghiên cứu này, hai thuật ngữ giọng Anh-Anh và Anh-Mỹ được sử dụng để chỉ hai loại giọng tương tự (gần nhất) với giọng RP của người Anh và giọng phổ biến của người Mỹ.

2.3. Thái độ ngôn ngữ

Trong thời gian gần đây, các nhà nghiên cứu đang ngày càng quan tâm đến bản chất phức tạp của “thái độ”, cụ thể là các nhân tố khác nhau cấu thành nên “thái độ”. Trong lĩnh vực ngôn ngữ học, “thái độ” thông thường được cho là bao gồm 3 nhân tố cơ bản: nhận thức, cảm xúc và hành vi (Gardner, 2010). Nhân tố thứ nhất liên quan đến hệ thống niềm tin, nhận thức, giá trị và định kiến về đối tượng. Nhân tố thứ hai nói đến khía cạnh cảm xúc của “thái độ”. Thông thường nhân tố này ăn sâu vào trong chủ thể và khó thay đổi nhất. Nhân tố thứ ba đề cập đến xu hướng phản ứng hoặc hành động của chủ thể đối với khách thể bằng các cách nhất định nào đó. Mantle-Bromley (1995, tr. 373) cho rằng mối quan hệ qua lại của ba nhân tố này “thay đổi chủ yếu khi có sự không thống nhất/bất đồng xảy ra trong nội tại ba nhân tố này”. Tuy nhiên Gardner (2010) khẳng định rằng thay vì cách nhìn nhận như trên thì ba nhân tố này có thể được xem xét là nguyên nhân của các “thái độ”. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu thái độ đã được thừa nhận trong lĩnh vực ngôn ngữ. Theo Garrett (2010), nghiên cứu thái độ ngôn ngữ là cực kì quan trọng đối với việc tìm hiểu thái độ của công chúng cũng như nâng cao nhận thức của họ về ngôn ngữ khoa học của các nhà ngôn ngữ học.

Một số nghiên cứu về thái độ tập trung vào các đối tượng dựa trên tiêu chí giới tính, vai trò kinh tế xã hội, tình trạng xã hội, tôn giáo, kiến thức nền về ngôn ngữ. Bằng cách này, các nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu chính xác hơn về “thái độ” của các nhóm đối tượng cụ thể. Một số nhân tố nhất định có thể ảnh hưởng đến việc học ngôn ngữ, trong đó tuổi tác được xem là nhân tố quan trọng (Meerleer, 2012). Do tuổi tác là nhân tố quan trọng nên nó thường được cân nhắc khi đánh giá về thái độ ngôn ngữ của nhóm đối tượng. Trong nghiên cứu này người tham gia thuộc cùng một nhóm tuổi (sinh viên năm 4 Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế). Ngoài tuổi tác thì người dạy đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi thái độ. Nghiên cứu của Mantle-Bromley (1995) cho thấy rằng thái độ của người học một ngôn ngữ trở nên kém tích cực hơn nếu thiếu đi nỗ lực đến từ người dạy.

Nghiên cứu của Ladegaard (1998) cho thấy các giọng tiếng Anh bản ngữ “chuẩn” nhìn chung được yêu thích hơn các giọng bản ngữ “không chuẩn” và các giọng không bản ngữ. Theo Ladegaard (1998), các biến thể “chuẩn” thường được đánh giá cao về mặt “địa vị”, “năng lực” nhưng lại thường nằm ở vị trí thấp trên khía cạnh “thu hút xã hội”. Fuertes và các cộng sự (2002) nhấn mạnh rằng ngay cả những người nói tiếng Anh không chuẩn và không phải là người bản ngữ cũng đánh giá cao các giọng tiếng Anh “chuẩn”. Tuy nhiên họ lại có xu hướng đánh giá cao các giọng tiếng Anh gần giống họ về khía cạnh “sự gắn kết”. Các nghiên cứu về thái độ đối với người nói tiếng Anh bản ngữ cũng cho thấy người nói giọng “chuẩn” có xu hướng được đánh giá cao hơn người nói giọng nước ngoài, giọng “không chuẩn” và giọng mang đặc trưng vùng. Nghiên cứu trên quy mô lớn của Coupland và Bishop (2007) kết luận rằng các giọng “chuẩn”

được đánh giá cao hơn về mặt “uy tín” và “thu hút” khi so sánh với các giọng “không chuẩn”. Tuy vậy, các tác giả cũng chỉ ra rằng người tham gia trẻ hơn ít có xu hướng đánh giá cao giọng tiếng Anh “chuẩn” về khía cạnh “uy tín”). Giới tính cũng đóng vai trò quan trọng đến thái độ của người tham gia. Các kết quả cho thấy phụ nữ có xu hướng đưa ra các đánh giá tích cực hơn so với đàn ông.

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên nghiên cứu mà Ladegaard và Sachdev (2008) thực hiện về thái độ và nhận thức của người học tiếng Anh như một ngoại ngữ ở Đan Mạch về giọng Anh-Anh và giọng Anh-Mỹ. Nghiên cứu này chỉ ra rằng mặc dù khả năng tồn tại lâu dài của văn hóa Mỹ được người tham gia thừa nhận nhưng họ vẫn giành sự yêu thích cho giọng RP trên các khía cạnh quan trọng như “địa vị xã hội” và không có ý muốn chuyển sang giọng Anh-Mỹ (tr. 93). Nghiên cứu hai tác giả này dựa trên lý thuyết sức sống, giả thuyết cộng hưởng ngôn ngữ - văn hóa và giả thuyết khác biệt ngôn ngữ - văn hóa.

Dựa trên “lý thuyết sức sống”, tiếng Anh của người Mỹ được xem là có sức sống cao và nó tồn tại một cách khách quan do vị thế là siêu cường kinh tế, có địa vị xã hội cao khi so với người nói giọng Anh-Anh. Điều này dường như khiến cho tiếng Anh của người Mỹ trở nên thu hút hơn đối với các cộng đồng nói tiếng Anh mà những người tham gia trong nghiên cứu này của tôi là một ví dụ điển hình. Ladegaard and Sachdev (2008, tr. 15) cho rằng ngôn ngữ và văn hóa có mối liên hệ một cách tích cực với nhau. Vì vậy, nếu người tham gia yêu thích hoặc chọn văn hóa Mỹ thay vì các nền văn hóa khác thì họ có xu hướng chọn giọng Anh-Mỹ để làm mục tiêu luyện tập phát âm cho mình. Ngược lại, trong một số trường hợp khác, hai nhà nghiên cứu ghi nhận hai nhân tố này không có bất kỳ mối liên hệ nào. Do đó hoàn toàn có thể xảy ra trường hợp một người thích một vài khía cạnh nào đó của văn hóa Mỹ nhưng lại không muốn phát âm theo giọng Anh.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Sinh viên năm 4 của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế tham gia vào nghiên cứu này trong tổng số 65 sinh viên được phát phiếu điều tra. Các sinh viên năm 4 được lựa chọn bởi họ đã trải qua một quá trình học tiếng Anh ít nhất là 7 năm, do vậy có kiến thức cơ bản về các giọng Tiếng Anh. Hơn nữa, trong năm 2 và năm 3, họ được học các môn về văn hóa Anh, văn hóa Mỹ, văn học Anh, văn học Mỹ do vậy sẽ tạo thuận lợi hơn cho người nghiên cứu tìm hiểu mối liên hệ giữa thái độ đối với văn hóa và thái độ đối với các giọng trong tiếng Anh. Vào thời điểm này, sinh viên đã có đủ điều kiện để nộp các học bổng trao đổi sang châu Âu vì thế nghiên cứu về các giọng tiếng Anh khác nhau sẽ tạo hứng thú cho họ. Các sinh viên được chọn thuộc cũng một nhóm tuổi (22 tuổi) để giảm thiểu các ảnh hưởng do chênh lệch tuổi tác lên thái độ của người tham gia.

3.2. Phương tiện thu thập dữ liệu

Tác giả sử dụng bảng câu hỏi điều tra và các bài phỏng vấn để thu thập số liệu, qua đó trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Bảng câu hỏi này được ứng dụng từ các câu hỏi trong nghiên cứu của Kim (2007) về “Thái độ của người trưởng thành tại Hàn Quốc với các giọng tiếng Anh”. Liên quan đến phương tiện để lấy số liệu thì phỏng vấn người tham gia một cách trực tiếp thường được xem là phương pháp đơn giản nhất để nghiên cứu về thái độ. Tuy nhiên vì người tham gia ý thức được họ đang được hỏi về điều gì nên lúc trả lời có thể không nói đúng thái độ của mình hoặc thay đổi thái độ (Meerleer, 2012). Các nhà khoa học khác như Santello (2010) lại cho rằng các cách thức tiếp cận trực tiếp là công cụ hữu ích hỗ trợ cho các phương pháp nghiên cứu khác. Do vậy để tận dụng được ưu điểm của cả hai phương pháp trên thì tác giả

áp dụng đồng thời cả bảng câu hỏi và phỏng vấn trực tiếp. Đối với nghiên cứu này thì hình thức phát bảng hỏi được tiến hành trước phần phỏng vấn để tránh ảnh hưởng đến đánh giá của người tham gia.

Bảng câu hỏi được phát trực tuyến với 3 phần ghi âm của 3 người nói (giọng Anh-Anh, Anh-Mỹ và giọng tiếng Anh của người Việt). Trong nghiên cứu này giọng Anh-Anh là giọng ta thường nghe được trên BBC (gần với RP) và giọng Anh-Mỹ là giọng Mỹ phổ thông nhất (GA). Bảng hỏi được chia làm 3 phần.

Phần 1 của bảng hỏi sử dụng “kỹ thuật lột ngôn ngữ” và dựa trên các tiêu chí mà Edward (1999) đưa ra như: nhận thức về địa vị xã hội và năng lực; sự thông minh; sự tự tin; trình độ học vấn; sự thu hút xã hội; sự tin cậy; sự thân thiện; chất lượng ngôn ngữ của người nói; trôi chảy; dễ hiểu; và quen thuộc. Ba phần ghi âm này được trình bày bởi ba người khác nhau và được trích từ trang web <http://accent.gmu.edu/>. Trang web này chứa nhiều đoạn ghi âm các giọng khác nhau trong Tiếng Anh bao gồm cả tiểu sử của người nói, vì vậy nó cung cấp nguồn tư liệu phong phú cho các nhà nghiên cứu (Weinberger, 2007). Ba người nói là nam giới với độ tuổi trung bình là 35. Dưới đây là đoạn văn bản do ba người nói thực hiện.

Please call Stella. Ask her to bring these things with her from the store: Six spoons of fresh snow peas, five thick slabs of blue cheese, and maybe a snack for her brother Bob. We also need a small plastic snake and a big toy frog for the kids. She can scoop these things into three red bags, and we will go meet her Wednesday at the train station

Sau khi nghe các đoạn ghi âm, người tham gia đánh giá các giọng đó theo thang từ 1-5 (1 là đánh giá tích cực nhất). Phần 2 của bảng hỏi nhằm mục đích đánh giá định tính thái độ của sinh viên đối với người nói bản xứ và không bản xứ. Có 4 câu trong phần này, mỗi câu được thiết kế theo thang Likert 5 điểm (1 là hoàn toàn đồng ý và 5 là hoàn toàn không đồng ý).

Phần 3 của bảng hỏi được thiết kế nhằm mục đích tìm hiểu sở thích văn hóa của sinh viên. Sau khi hoàn tất thí nghiệm ở phần 1 và 4 câu ở phần 2, người tham gia chuyển sang phần 3. Nguồn tư liệu ở phần này thu thập những thông tin liên quan đến nhân thân của người nói với tư cách là những đặc điểm xã hội có ảnh hưởng đến thái độ của họ như tuổi tác và giới tính. Ngoài ra phần còn lại được thiết kế với mục đích tìm hiểu giọng tiếng Anh nào người tham gia hướng đến khi họ nói tiếng Anh (các sự lựa chọn gồm giọng Anh-Anh, Anh-Mỹ hoặc những giọng khác và nền văn hóa của đất nước nói tiếng Anh nào mà họ yêu thích (nếu có)). “Văn hóa” ở đây đề cập đến các loại văn chương và văn hóa hình ảnh như phim truyền hình và phim tài liệu. Các mẫu khảo sát cũng được thí điểm trên 10 sinh viên tự nguyện. Bằng cách làm như vậy, cách bố trí của toàn bộ bảng câu hỏi và từ ngữ của một số câu hỏi đã được cải thiện đáng kể để tránh mơ hồ có thể có và có thể khiến người tham gia hiểu nhầm. Cuộc khảo sát thí điểm này đã cho thấy sự cần thiết phải thiết lập giám sát chặt chẽ và có hiểu biết nhất “quán” về các thuật ngữ để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu thu thập được.

Để giúp cho các phân tích trở nên toàn diện hơn, tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp một số sinh viên. Các sinh viên đồng ý tham gia để lại email sau khi hoàn tất phần bảng hỏi. Có tổng cộng 10 sinh viên đồng ý tham gia phỏng vấn và 4 trong số đó đã từng đi học theo diện sinh viên trao đổi tại các nước châu Âu như Bồ Đào Nha, Hà Lan, Thụy Điển, Rumania theo chương trình học bổng Share và Merging Voices. Một sinh viên đi học ở Thái Lan. Bảng câu hỏi phỏng vấn được thiết kế theo dạng bán cấu trúc. Phỏng vấn bán cấu trúc được sử dụng rộng rãi như một dạng phỏng vấn với một cá nhân hoặc đôi khi ngay cả với một nhóm (Corbin, 2008). Các hướng dẫn phỏng vấn gồm mục đích phỏng vấn, thời gian, cách thức phỏng vấn, vấn đề bảo mật danh tính được thông báo trước đến người tham gia thông qua email để tối ưu hóa thời gian phỏng vấn cũng như giữ cho cuộc phỏng vấn tập trung vào nội dung mong muốn. Trong suốt thời gian phỏng vấn, người tham gia có thể dừng và xin rút lui ở bất cứ thời điểm nào mà họ muốn. Mặc dù các sinh viên đều

là sinh viên năm 4 của Khoa Tiếng Anh, nhưng để tránh các khó khăn liên quan đến việc diễn đạt ngôn ngữ thì các câu hỏi đều bằng tiếng Việt.

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập được trong nghiên cứu này là hai dữ liệu định lượng và định tính. Các mẫu kiểm tra *t* độc lập (independent *t*-test) giữa các cặp giọng được sử dụng để so sánh sự đánh giá của người tham gia với các giọng bản ngữ và không bản ngữ. Đối với các câu hỏi theo thang đo Likert, giá trị trung bình được tính toán bằng SPSS. Dữ liệu sau đó được lập biểu đồ để giúp cho quá trình trình bày, phân tích, tổng hợp dễ dàng hơn.

Để phân tích dữ liệu định tính từ các cuộc phỏng vấn thì phương pháp phân tích nội dung được sử dụng. Câu trả lời của người tham gia cho các câu hỏi được mã hóa và phân tích theo chủ đề. Bên cạnh đó, những câu trả lời này cũng được tóm tắt hoặc trình bày dưới dạng trích dẫn trực tiếp khi cần thiết để cung cấp thêm thông tin cho bài nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đánh giá của sinh viên về giọng Anh-Anh, Anh-Mỹ và giọng tiếng Anh ở những vùng mà tiếng Anh không được sử dụng như ngôn ngữ mẹ đẻ

Các kết quả về thái độ của sinh viên năm 4, Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế được thể hiện trong Bảng 1 trên các khía cạnh chính là “địa vị xã hội và năng lực”, “sự thu hút xã hội và tính cách qua giọng nói” và “chất lượng ngôn ngữ”.

Bảng 1. Xếp hạng giá trị trung bình (mean) của 3 người nói trên 9 khía cạnh

Các biến	Giọng		
	Giọng Anh-Anh	Giọng Anh-Mỹ	Giọng tiếng Anh của người Việt
Địa vị xã hội và Năng lực			
Sự thông minh	2,3929	2,2679	2,7143
Sự tự tin	2,4107	2,3036	2,8571
Trình độ học vấn	2,1607	2,2500	2,8571
Sự thu hút xã hội và Tính cách qua giọng nói			
Sự tin cậy	2,3929	2,3571	2,7857
Sự thân thiện	2,4107	2,6607	2,5000
Chất lượng ngôn ngữ			
Dễ chịu	2,6429	2,5893	2,7679
Trôi chảy	2,0536	2,0000	2,7143
Dễ hiểu	3,0179	2,3036	2,5000
Quen thuộc	2,9107	2,3750	2,5000

Kết quả tổng thể từ bài kiểm tra bằng lời nói cho thấy sự khác biệt với các nghiên cứu trước đây được thực hiện trong bối cảnh ở các nước nói tiếng Anh và không nói tiếng Anh (Gile & Couplan, 1991). Nghiên cứu đã chỉ ra rằng giọng Mỹ chuẩn nhận được đánh giá thuận lợi nhất trong hai khía cạnh là “địa vị xã hội và năng lực” mà cụ thể là “sự thông minh” và “sự tự tin”. Hơn nữa, chất lượng của giọng Anh-Mỹ cũng được đánh giá cao hơn giọng nói khác. Rõ ràng từ Bảng 1 rằng giọng Mỹ không chỉ được coi là giọng uy tín nhất mà giọng này còn được người tham gia đánh giá là trôi chảy nhất, dễ chịu, quen thuộc và dễ hiểu nhất. Ngược lại, người nói tiếng Anh với giọng của người Việt nhận được đánh giá kém nhất trên cả ba khía cạnh. Một điểm thú vị ở đây là các người tham gia không báo cáo bất kì sự quen thuộc nào khi được nghe giọng tiếng Anh của người Việt, cho dù tất cả họ đều là người Việt. Giọng Anh-Anh xếp thứ 2 trên

tất cả 4 khía cạnh về chất lượng ngôn ngữ, nhưng lại vượt hơn giọng Anh-Mỹ về khía cạnh “sự thu hút xã hội và tính cách qua giọng nói”.

Để so sánh đánh giá của người tham gia đối với giọng của người bản ngữ và người không bản ngữ, tác giả đã tiến hành một mẫu *t*-test độc lập giữa mỗi cặp giọng. Tuy nhiên, kết quả trong Bảng 2 và 4.3 cho thấy sự khác biệt giữa điểm trung bình của mỗi cặp giọng tiếng Anh không có ý nghĩa thống kê. Như vậy, không có sự khác biệt đáng kể nào trong nhận thức của người tham gia về cả ba khía cạnh của của các giọng được điều tra.

Bảng 2. Các mẫu *t*-test độc lập: So sánh giữa giọng Anh-Anh và giọng tiếng Anh của người Việt trên 9 đặc điểm

	Giọng	Số lượng	Sự khác biệt về giá trị trung bình	Sig.	t
Sự thông minh	Anh-Anh	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.32143	.487	-2.010
Sự tự tin	Anh-Anh	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.44643	.565	-2.606
Trình độ học vấn	Anh-Anh	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.69643	.864	-3.783
Sự tin cậy	Anh-Anh	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.39286	.284	-2.216
Sự thân thiện	Anh-Anh	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.08929	.814	-.453
Dễ chịu	Anh-Anh	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.12500	.683	-.671
Trôi chảy	Anh-Anh	56	2.0536	.90292	.12066
	Tiếng Anh của người Việt	56	2.7143	.96699	.12922
Dễ hiểu	Anh-Anh	56	3.0179	1.03557	.13838
	Tiếng Anh của người Việt	56	2.5000	1.14416	.15289
Quen thuộc	Anh-Anh	56	2.9107	.99593	.13309
	Tiếng Anh của người Việt	56	2.5000	1.04447	.13957

Bảng 3. Các mẫu *t*-test độc lập: So sánh giữa giọng Anh-Mỹ và giọng tiếng Anh của người Việt trên 9 đặc điểm

	Giọng	Số lượng	Sự khác biệt về giá trị trung bình	Sig.	t
Sự thông minh	Anh-Mỹ	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.44643	.522	-2.606
Sự tự tin	Anh-Mỹ	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.55357	.076	-2.894
Trình độ học vấn	Anh-Mỹ	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.60714	.973	-3.222
Sự tin cậy	Anh-Mỹ	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.42857	.194	-2.307
Sự thân thiện	Anh-Mỹ	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	.16071	.702	.781
Dễ chịu	Anh-Mỹ	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.17857	.101	-.878
Trôi chảy	Anh-Mỹ	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.71429	.847	-3.861
Dễ hiểu	Anh-Mỹ	56			
	Tiếng Anh của người Việt	56	-.19643	.331	-.949

Quen thuộc	Anh-Mỹ	56	-.12500		
	Tiếng Anh của người Việt	56		.795	-.630

4.2. Lý do tại sao một số giọng tiếng Anh lại được đánh giá cao hơn các giọng khác?

Đây là một phần của bảng câu hỏi nhằm kiểm tra về mặt định lượng thái độ của người tham gia về chất lượng giọng Anh-Anh, Anh-Mỹ và giọng tiếng Anh của người Việt. Bảng câu hỏi gồm 4 tuyên bố xây dựng theo thang Likert 5 điểm (Điểm 1 là hoàn toàn đồng ý và 5 là hoàn toàn không đồng ý). Tuyên bố 1 và 2 nghiên cứu thái độ của sinh viên đối với mô hình phát âm tiếng Anh bản ngữ, trong khi tuyên bố 3 và 4 nhắm vào mô hình phát âm tiếng Anh không bản ngữ.

Bảng 4. Xếp hạng giá trị trung bình của các tuyên bố về mô hình phát âm tiếng Anh bản ngữ

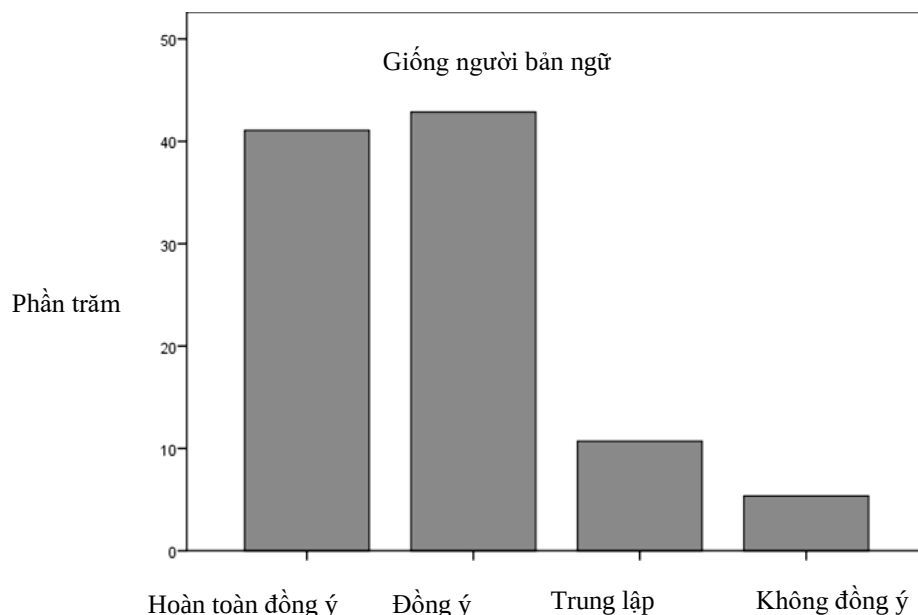
Tuyên bố	Giá trị trung bình
1. Có được phát âm giống người bản ngữ là quan trọng	1,80
2. Nên học tiếng Anh từ những người nói tiếng Anh bản ngữ	2,02

Bảng 5. Xếp hạng giá trị trung bình của các tuyên bố về mô hình phát âm tiếng Anh không bản ngữ

Tuyên bố	Giá trị trung bình
3. Các giáo viên tiếng Anh người Việt có thể dạy một cách hiệu quả không chỉ ngữ pháp mà còn cả kỹ năng nói	1,91
4. Tôi quan tâm đến việc học tiếng Anh ở các quốc gia châu Á như Singapore, Philippines, and Malaysia	2,82

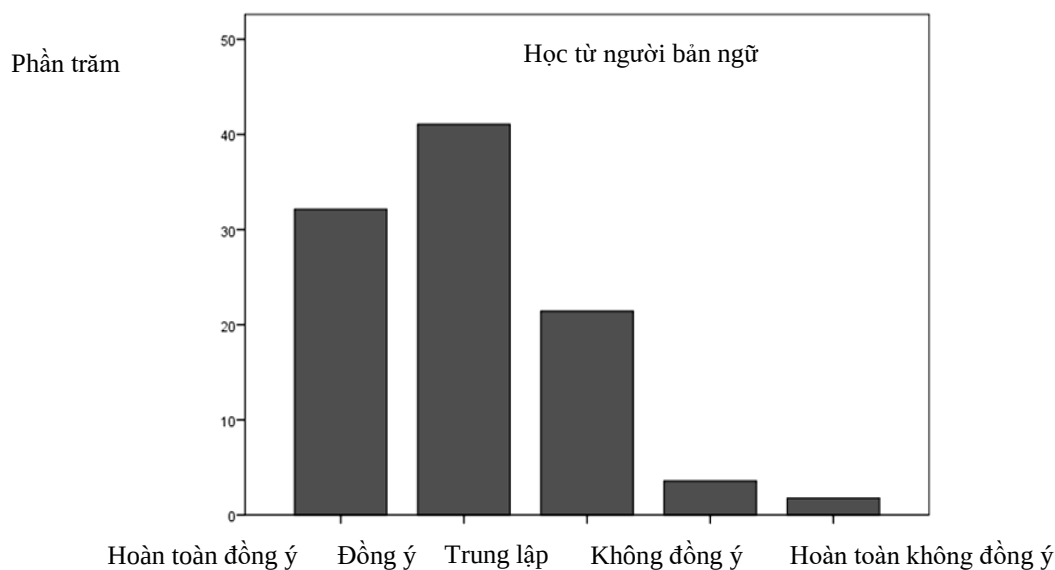
Các giá trị trung bình được thể hiện trong Bảng 4 và Bảng 5 cho thấy rằng những người tham gia thường đồng ý với những tuyên bố này. Mặc dù vẫn khẳng định các giáo viên người Việt có thể dạy kỹ năng nói hiệu quả (Tuyên bố 3, giá trị trung bình 1,91) nhưng phần lớn người tham gia vẫn có khuynh hướng đánh giá cao hơn mô hình phát âm của người nói tiếng Anh bản ngữ (Tuyên bố 2). Một người tham gia phỏng vấn cho biết thêm rằng đối với bản thân thì các mô hình phát âm bản ngữ vẫn được đánh giá cao nhất. Các biến thể khác mặc dù có tồn tại nhưng đối với bối cảnh các trường ở Việt Nam vẫn thật “khó” để sinh viên có thể tiếp nhận. Một số người phỏng vấn cho biết thêm rằng lúc phải nghe các đoạn audio ở trường với nhiều giọng khác nhau thì mặc dù chưa nghe hết đoạn nhưng trong đầu họ đã mặc nhiên có suy nghĩ là “Giọng này khó nghe quá, chắc mình không thể hiểu rồi”. Như vậy có thể thấy rằng vấn đề ở đây không phải là do giọng tiếng Anh đó khó hiểu mà chính là sự nhận thức của các bạn sinh viên về các biến thể khác nhau của tiếng Anh hay nhận thức về tiếng Anh thế giới vẫn còn hạn chế đã gây ảnh hưởng đến kỹ năng nghe hiểu của các bạn đó. Nói cách khác, thay đổi nhận thức chính là chìa khóa để giúp các bạn sinh viên thay đổi thái độ đối với các giọng tiếng Anh không bản ngữ. Jenkins (2000) lập luận rằng mô hình phát âm tối ưu cho các lớp học trong đó tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ quốc tế là từ những người nói không phải là người bản ngữ nhưng họ thông thạo cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh. Các mô hình như vậy “thực tế hơn và phù hợp hơn mà vẫn không gây ảnh hưởng đến tính dễ hiểu” (Jenkins, 2000, tr. 226). Tương tự như vậy Baumgardner (2002) cũng nói rằng mục tiêu của việc thụ đắc ngôn ngữ trong các lớp học tiếng Anh trên thế giới có thể là bài phát biểu của một người sử dụng tiếng Anh thành thạo thuộc Vòng Ngoài hoặc Vòng Mở Rộng cũng như thuộc Vòng Tâm.

Tuy vậy, vẫn cần có thêm sự nghiên cứu về việc những người tham gia đánh giá như thế nào về từng mô hình phát âm. Về tuyên bố 1, tỉ lệ phần trăm người tham gia đồng ý và không đồng ý được thể hiện qua Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Sự đồng ý của người tham gia đối với tuyên bố 1

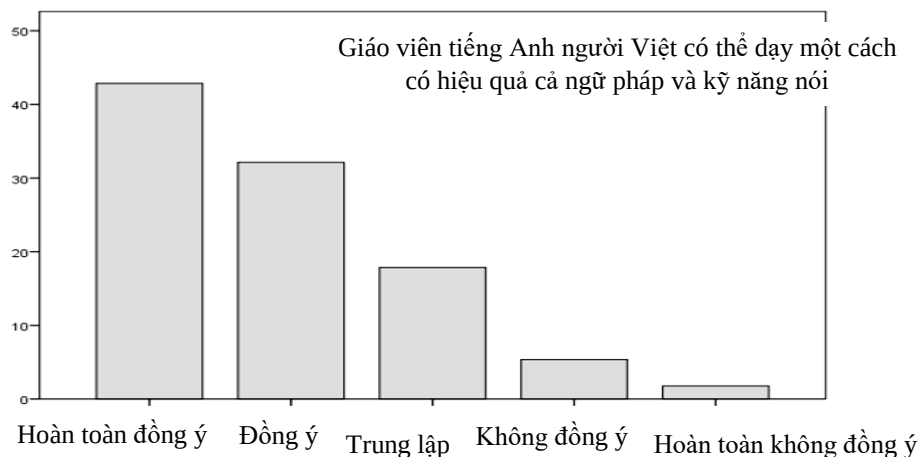
Đối với tuyên bố này, có sự khác biệt lớn giữa tỷ lệ người tham gia đồng ý và không đồng ý. Đại đa số người tham gia (84%) nghĩ rằng điều quan trọng là phải phát âm giống như người bản ngữ trong khi chỉ có 5,4% không đồng ý với tuyên bố trên; có 10,7% người tham gia đưa ra câu trả lời trung lập.



Biểu đồ 2. Sự đồng ý của người tham gia đối với tuyên bố 2

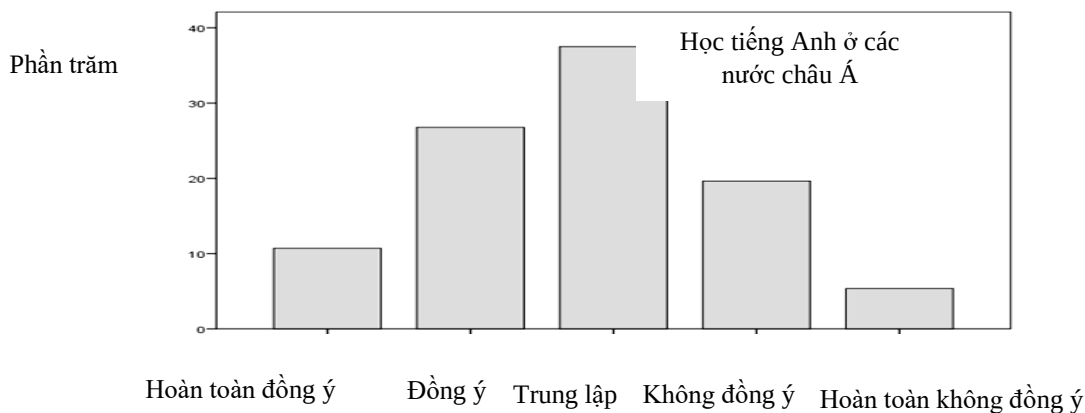
Tương tự như vậy, hầu hết những người tham gia (73,2%) đồng ý rằng tiếng Anh nên được học từ người bản ngữ. Đối với tuyên bố thứ 1 thì ta thấy rằng ý kiến “hoàn toàn không đồng ý” không được bất kì người tham gia nào chọn lựa, nhưng ở tuyên bố 2 thì vẫn có dưới 5% người chọn quan điểm này. Tuyên bố này cũng được 3 trên 4 sinh viên được phỏng vấn đồng tình. Các sinh viên này vừa kết thúc 6 tháng học tập tại châu Âu theo chương trình học bổng Merging Voices do Cộng đồng châu Âu tài trợ. Theo họ mỗi

trường học tập với giáo viên bản ngữ hay với giáo viên có tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai cực kì hữu ích trong việc giúp họ phát triển các kỹ năng tiếng Anh, đặc biệt là hai kỹ năng nghe, nói.



Biểu đồ 3. Sự đồng ý của người tham gia đối với tuyên bố 3

Trong tuyên bố này có thể thấy được rằng tỷ lệ đồng ý và bất đồng liên quan đến tuyên bố 3 (giáo viên tiếng Anh của Việt Nam có thể dạy hiệu quả không chỉ về ngữ pháp mà còn là kỹ năng nói) lần lượt là 75% và 7,2%. Gần 18% người sinh viên năm 4 tham gia có ý kiến trung lập. Sự chênh lệch giữa tỷ lệ đồng ý và không đồng ý phản ánh phần nào sự tin tưởng và năng lực giảng dạy chuyên môn của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Mặc dù câu hỏi không đề cập cụ thể bất cứ trường nào nhưng với việc đã học tập tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế trong suốt 4 năm thì các câu trả lời của sinh viên có thể được xem là phần nào đang đánh giá chất lượng giảng dạy của các giảng viên tại ngôi trường này.

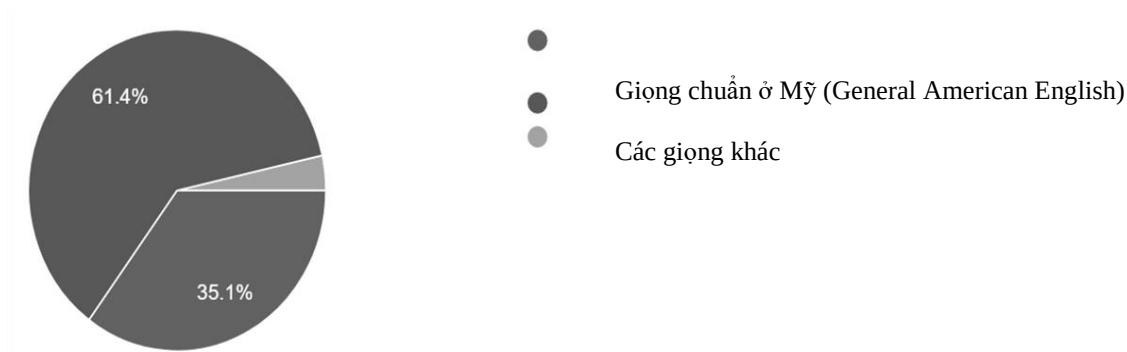


Biểu đồ 4. Sự đồng ý của người tham gia đối với tuyên bố 4

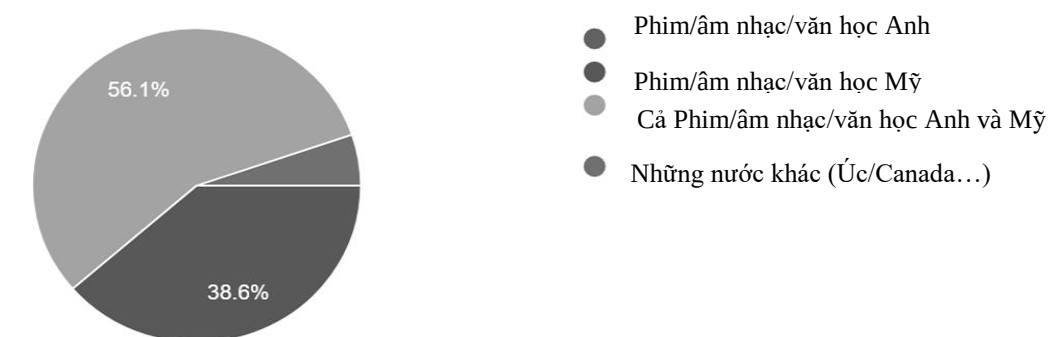
Đối với tuyên bố 3, tỷ lệ sinh viên đồng ý hoàn toàn vượt trội so với tỷ lệ không đồng ý. Tuy nhiên, đối với tuyên bố này ta có thể thấy rằng số lượng sinh viên đưa ra ý kiến trung lập là lớn nhất (37%), tỉ lệ đồng ý và bất đồng lần lượt là 37,5% và 25%.

4.3. Mối liên hệ giữa thái độ của sinh viên đối với văn hóa Anh và văn hóa Mỹ và thái độ của họ đối với giọng tiếng Anh của những nền văn hóa này

Giọng chuẩn ở Vương quốc Anh (RP)



Biểu đồ 5. Theo bạn nghĩ giọng nào nên được dùng làm giọng chuẩn trong việc dạy và học ở Việt Nam



Biểu đồ 6. Phim/âm nhạc/văn học của nước nào mà bạn thích xem/nghe/đọc

Trong phần thứ 3 của bảng câu hỏi, người tham gia được hỏi những câu hỏi liên quan đến sở thích văn hóa của họ cũng như các câu hỏi liên quan đến sự lựa chọn các loại giọng. Như thể hiện trong Biểu đồ 5 thì 61,4% người tham gia ưa thích giọng Mỹ trong khi chỉ có 35,1% chọn giọng Anh. Về sở thích văn hóa, phần lớn trong số họ lựa chọn sự kết hợp của văn hóa Mỹ và văn hóa Anh (38,6%) hoặc văn hóa Mỹ một mình (38,6%). Số lượng người còn lại ưa thích các nền văn hóa khác như Úc, Canada. Các kết quả này phản ánh giả thuyết cộng hưởng văn hóa ngôn ngữ, trong đó ngôn ngữ và văn hóa xuất hiện không thể tách rời. Điều này tương phản với kết quả được tìm thấy trong nghiên cứu của Ladegaard và Sachdev (2008) kiểm tra thái độ của sinh viên Đan Mạch đối với giọng Anh và Mỹ. Trong nghiên cứu sau đó, các kết quả thể hiện giả thuyết về sự khác biệt văn hóa ngôn ngữ, trong đó người tham gia lấy giọng Anh làm mục tiêu hướng đến trong khi nói nhưng nhìn chung vẫn thích văn hóa Mỹ và sự kết hợp giữa văn hóa Anh và văn hóa Mỹ hơn.

4.4. Thảo luận

Câu hỏi nghiên cứu 1: Sinh viên đánh giá như thế nào về giọng Anh-Anh, Anh-Mỹ và giọng tiếng Anh ở những vùng mà tiếng Anh không được sử dụng như ngôn ngữ mẹ đẻ?

Kết quả từ bài kiểm tra bằng lời nói cho thấy giọng Mỹ được đánh giá cao nhất về địa vị xã hội cũng như tính hấp dẫn ngôn ngữ, nhưng bị đánh giá thấp về các khía cạnh thu hút xã hội. Trong 3 giọng đưa vào bài kiểm tra thì giọng Anh-Mỹ xếp thứ nhất, tiếp theo là giọng Anh-Anh và cuối cùng là giọng tiếng Anh của người Việt. Nhìn chung, các kết quả thể hiện xu hướng nghiêng về giọng của người bản ngữ tiếng Anh. Sự vượt trội của giọng Anh-Mỹ đối với hai giọng còn lại đã chứng minh dự đoán rằng giọng Anh-Mỹ đang ngày càng chiếm ưu thế hơn so với giọng tiếng Anh chuẩn (RP) với tư cách là một giọng chuẩn (Bradac & Giles, 1991; Crystal, 1997; Fant, 2002; Graddol và cộng sự, 1999). Mặc dù kết quả khảo sát cho thấy thái độ tích cực của sinh viên đối với các giọng tiếng Anh bản ngữ, nhưng cũng cần lưu ý rằng giọng RP và

giọng Mỹ phổ thông chỉ nên được xem là mô hình tham khảo. Nếu xem hai mô hình này là quy phạm thì do “bản chất của quy phạm là không thay đổi và phải được tiến hành giống nhau trong bất kì khía cạnh nào của việc sử dụng ngôn ngữ nên mục tiêu này là phi thực tế” (Jenkins, 1998, tr. 124). Những người tham gia trong nghiên cứu này có thể xem giọng Anh-Mỹ như mô hình tham khảo trong lúc phát âm nhưng họ hoàn toàn có được sự độc lập để quyết định mức độ mà họ sẽ sử dụng các mô hình này trong lúc nói phù hợp với các tình huống khác nhau. Kachru (1992) cũng đề cập rằng “việc chấp nhận một mô hình phụ thuộc vào người dùng mô hình đó” (tr. 67).

Câu hỏi nghiên cứu 2: Tại sao một số giọng tiếng Anh lại được đánh giá cao hơn các giọng khác?

Bảng câu hỏi của phần 2 được thiết kế nhằm mục đích trả lời câu hỏi này. Nhìn chung, đa số sinh viên (84%) nghĩ rằng cách phát âm giống như bản địa rất quan trọng đối với họ. Tỷ lệ sinh viên đồng ý với tuyên bố “tiếng Anh nên được học từ một người bản xứ” cao gấp ba lần so với số bất đồng. Tuy nhiên, hầu hết trong số họ (75%) cho rằng giáo viên Việt Nam có thể dạy ngữ pháp tiếng Anh cũng như các kỹ năng nói một cách hiệu quả. Điều này phần nào thể hiện rằng người tham gia yêu thích các giọng bản ngữ nhưng có thể cũng chỉ xem chúng là mô hình để tham khảo thay vì là mục tiêu trong lúc giao tiếp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có thái độ tích cực hơn đối với giọng của người bản ngữ khi so sánh với giọng của những người không phải là bản ngữ. Kết quả này phản ánh xu hướng được tìm thấy trong bài kiểm tra bằng lời nói và tương phản với nghiên cứu của Kim (2007) và nghiên cứu của Nguyễn Quỳnh Trang (2015) mà ở đó người tham gia không phân biệt được các mô hình phát âm tiếng Anh của người bản ngữ và không bản ngữ. Trong nghiên cứu của tác giả, đối tượng tham gia là các sinh viên năm 4 của Khoa Tiếng Anh, vì vậy trong một chừng mực nào đó họ đã quen và được tiếp xúc nhiều với các giọng khác nhau trong quá trình học tập của mình. Ngoài ra, cũng có một số sinh viên cho biết rằng họ quan tâm đến việc học tiếng Anh ở các nước châu Á như Singapore, Philippines và Malaysia (37,5%), điều này có thể được giải thích bởi việc tăng cường các thỏa thuận song phương giữa các trường Đại học ở Việt Nam và các Đại học Châu Á trong những năm gần đây. Ví dụ, chương trình học bổng Share cung cấp cơ hội được học tập (được tài trợ toàn bộ chi phí) trong một học kỳ tại một trường đại học ở châu Á và một số nước châu Âu cho sinh viên tại các trường đại học tại Việt Nam có liên kết. Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế là một trong những đối tác thành viên. 400 suất học bổng được trao trong năm nay. Những loại học bổng này tạo thuận lợi cho sinh viên học tiếng Anh ở các nước nằm ở “Vòng ngoài” như Malaysia, Philipin với chi phí sinh hoạt thấp hơn so với các nước trong “Vòng tâm”.

Các đánh giá tích cực dành cho các giáo viên tiếng Anh của Việt Nam có thể được giải thích một phần bởi thực tế là theo Đề án Ngoại ngữ 2020, chính phủ đã phát triển khung đánh giá năng lực giáo viên tiếng Anh (ETCF) nhằm nâng cao năng lực của giáo viên nói chung (Lê Phương, 2017). Đề án này hiện đã được điều chỉnh và kéo dài đến năm 2025 để phù hợp với thực tế dạy và học của các trường học tại Việt Nam.

Câu hỏi nghiên cứu 3: Thái độ của họ đối với văn hóa Anh và văn hóa Mỹ có liên quan gì đến thái độ của họ đối với giọng tiếng Anh của những nền văn hóa này hay không?

Trong phần 3 của bảng câu hỏi, sinh viên được yêu cầu chọn giọng nào theo họ nên được đưa vào mô hình phát âm chuẩn và sở thích văn hóa của họ. Kết quả cho thấy phần lớn trong số họ đã chọn giọng Mỹ làm mô hình phát âm chuẩn. Về khía cạnh sở thích văn hóa thì văn hóa Mỹ hay sự kết hợp giữa văn hóa Mỹ và Anh được hầu hết người tham gia chọn lựa. Điều này có thể được giải thích bởi thực tế là tiếng Anh Mỹ có tác động mạnh mẽ hơn trên các phương tiện truyền thông hơn là ngôn ngữ và văn hóa Anh tại

Việt Nam. Hơn nữa, như Ladegaard và Sachdev (2008) chỉ ra, theo “Lý thuyết sức sống”, “Nước Mỹ có sức sống cao về mặt dân số và phân phối, và rằng tình trạng kinh tế xã hội của Mỹ phát triển cao” (tr. 15). Những yếu tố này dường như khiến cho tiếng Anh Mỹ trở thành một mô hình hấp dẫn cho người học tiếng Anh tại Việt Nam. Hơn nữa, sức mạnh, tầm ảnh hưởng chính trị của Mỹ, sự đồng tồn tại của các nền văn hóa khác nhau, sự khác biệt lớn trong môi trường và trong xã hội nói chung đã thu hút những người tham gia (Ladegaard và Sachdev, 1998, tr. 13).

Sự tương đồng giữa lựa chọn giọng yêu thích và sở thích văn hóa được tìm thấy trong nghiên cứu này trái ngược với nghiên cứu của Ladegaard và Sachdev, trong đó người tham gia ưa thích văn hóa Mỹ nhưng đã chọn RP làm mô hình phát âm (2008). Sự ưu tiên mạnh mẽ của người tham gia cho giọng Anh-Mỹ với tư cách là mô hình phát âm chuẩn khá ngạc nhiên vì Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Bộ GD&ĐT) đã thông qua Khung tham chiếu chung của Châu Âu (CEFR) như một hướng dẫn để đo lường và đánh giá trình độ thông thạo ngôn ngữ từ năm 2008. Kết quả là rất nhiều trường đại học ở Việt Nam sử dụng sách tiếng Anh Cambridge làm sách giáo khoa của họ, điều này đáng nhẽ có thể dẫn đến việc ưu tiên cho giọng Anh-Anh thay vì giọng Anh Mỹ. Ngược lại, ở Singapore, xu hướng ưu tiên cho giọng Anh-Anh được tiếp tục ngay cả sau khi nước này giành được độc lập vào năm 1965. Nguyên nhân được cho là bởi giáo dục nước này tại thời điểm đó thấm nhuần tư tưởng của thủ tướng Lý Quang Diệu - người được đào tạo tại Đại học Cambridge, Vương quốc Anh trong nhiều năm (Tan, 2012, tr. 3). Một ví dụ đó là các học sinh bậc trung học cơ sở ở Singapore phải tham dự các kì thi Cambridge để lấy các chứng chỉ tiếng Anh. Tuy nhiên tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, bộ giáo trình Northstar của Mỹ được sử dụng làm sách giáo khoa dạy các bộ môn thực hành tiếng, vì vậy trong một chừng mực nào đó các sinh viên được tiếp xúc với giọng Anh-Mỹ trong suốt các năm học đại học của mình. Điều này có thể lý giải một phần cho việc ưu tiên giọng Anh-Mỹ của những người tham gia trong nghiên cứu này.

Đa số các sinh viên được phỏng vấn cũng thể hiện sự ưu tiên cho giọng Anh-Mỹ hơn mặc dù một nửa trong số họ đi học theo dạng sinh viên trao đổi tại các nước châu Âu từ 1 đến 2 học kì. “Em thích kiến trúc, văn hóa châu Âu, nhưng lúc nói em vẫn muốn giọng mình nghe giống người Mỹ vì nó khiến em trở nên cool hơn và có vẻ đẳng cấp” - một sinh viên cho hay. Có thể thấy việc ưu ái hơn cho giọng bản ngữ vẫn còn ăn sâu trong tiềm thức của các bạn sinh viên. Nếu vấn đề này không được giải quyết triệt để ngay từ khi các bạn vào năm thứ nhất thì nó sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến nghề nghiệp sau này, đặc biệt là khi các bạn phải giao tiếp trong một môi trường đa văn hóa với các giọng tiếng Anh khác nhau.

5. Kết luận

Nghiên cứu nhằm phát hiện thái độ của sinh viên năm 4 Khoa Tiếng Anh trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế đối với các giọng tiếng Anh bằng cách thực hiện một bảng câu hỏi trực tuyến với các bản ghi âm của các giọng khác nhau, bảng câu hỏi trên 56 sinh viên và phỏng vấn trực tiếp. Qua đó, giúp nhà nghiên cứu nhận ra các nhu cầu và kì vọng ngày càng thay đổi của sinh viên đối với việc học tiếng Anh ở trường đại học và sự cần thiết phải có điều chỉnh đối với các tài liệu giảng dạy để đáp ứng các nhu cầu đó. Đối với phần đầu của bảng câu hỏi giọng Anh-Anh, Anh-Mỹ và giọng tiếng Anh của người Việt đã được lựa chọn.

Nhìn chung, sinh viên đánh giá cao giọng tiếng Anh của người bản ngữ hơn giọng tiếng Anh của người Việt. Kết quả này nhất quán trong cả bài kiểm tra bằng lời nói và bảng câu hỏi điều tra. Mặc dù mục tiêu của phát âm thường là tính dễ hiểu nhưng những người tham gia trong nghiên cứu này vẫn mong muốn phát âm với một loại giọng nhất định. Cụ thể trong bài nghiên cứu này thì giọng Anh Mỹ được yêu thích nhất trong số tất cả các giọng. Những phát hiện của nghiên cứu này ủng hộ giả thuyết của Bradac và Giles

(1991) rằng tiếng Anh-Mỹ sẽ được coi là mô hình hấp dẫn hơn tiếng Anh-Anh trong các lớp học mà tiếng Anh được sử dụng như là một ngoại ngữ.

Nghiên cứu này cũng cung cấp bằng chứng cho những gì Ladegaard và Sachdev gọi là “giả thuyết cộng hưởng văn hóa ngôn ngữ”. Tuy nhiên, thái độ tích cực tương đối của học sinh đối với các giọng tiếng Anh không phải bản ngữ trong bảng câu hỏi phản ánh sự ưa thích ngày càng tăng của sinh viên trong việc học tiếng Anh ở các nước nằm ở “Vòng ngoài” như Philippines, Malaysia.

Những phát hiện này mang lại một số ý nghĩa cho giáo viên dạy tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế cũng như ở Việt Nam. Với số lượng người sử dụng tiếng Anh ngày càng đông trong bối cảnh xu thế toàn cầu hóa, phải chăng tiếng Anh ở Việt Nam trong tương lai rất gần là một biến thể của tiếng Anh thực sự với tên gọi là Vietlish (Ngô Hữu Hoàng, 2013). Do đó, bản thân giáo viên nên cởi mở hơn trong việc đánh giá các giọng tiếng Anh khác nhau. Trong bối cảnh khoảng cách giữa các “vòng” ngày càng bị xóa nhòa thì việc nhìn nhận như vậy sẽ giúp ích rất nhiều cho giáo viên trong các công tác hoạt động chuyên môn và giao tiếp hàng ngày, nhất là khi họ được cử đi đào tạo hay giao lưu tại các nước mà tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ như Hàn Quốc, Malaysia, Nhật Bản. Các sách được sử dụng tại các trường ngoại ngữ nên đa dạng hơn. Đặc biệt đối với kỹ năng nghe, người học nên được tiếp xúc với nhiều giọng tiếng Anh khác nhau. Điều này đặc biệt có lợi cho họ sau này, nhất là khi họ làm trong các ngành nghề như phiên dịch, công ty đa quốc gia, ngoại giao, v.v... Việc tiếp xúc ngay từ năm 1 như vậy sẽ giúp sinh viên có cái nhìn đúng đắn hơn về các giọng tiếng Anh trên thế giới. Qua đó góp phần giúp xóa đi các định kiến về “Tiếng Anh không chuẩn” vốn đã ăn sâu trong tiềm thức nhiều người.

Mặc dù thu được một số kết quả đáng ghi nhận nhưng nghiên cứu này chỉ được thực hiện trong phạm vi sinh viên năm 4 của Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. Vì vậy, để có cái nhìn toàn diện hơn và để có thể khái quát hóa được các kết quả đạt được thì đối tượng tham gia cần được mở rộng bao gồm cả sinh viên năm 1, 2 và 3. Qua đó giúp người nghiên cứu có thể đưa ra các so sánh cần thiết về sự nhận thức các giọng tiếng Anh của sinh viên năm 4 khác gì so với các năm còn lại. Để đạt được kết quả sâu rộng hơn thì việc phối hợp với các trường Đại học Ngoại ngữ khác ở Việt Nam cũng là cần thiết. Các trường có thể kết hợp để đề xuất các giáo trình học phù hợp với sinh viên trong điều kiện hiện nay. Việc đưa vào nhiều đối tượng tham gia sẽ giúp trả lời câu hỏi là liệu việc ưu tiên sử dụng giọng tiếng này mà không phải là các giọng khác của sinh viên là hoàn toàn tự nhiên, do ảnh hưởng của các yếu tố như điện ảnh hay là một quá trình có chủ đích. Nhiều nghiên cứu hơn cần được tiến hành về mức độ cũng như cách mà sinh viên tiếp cận với nhiều biến thể giọng tiếng Anh của tiếng Anh thế giới, qua đó giúp các nhà nghiên cứu hiểu biết rõ hơn về thái độ của các bạn sinh viên đối với các giọng tiếng Anh. Trong quá trình giảng dạy, nhà trường và khoa nên có kế hoạch cụ thể mời thêm các giáo viên tiếng Anh bản ngữ và không bản ngữ và sinh viên quốc tế đến để giao lưu với sinh viên. Các hoạt động giao lưu nên diễn ra đa dạng không chỉ trong phạm vi các tiết học ở trường mà còn có các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ hay thể thao. Nhờ vậy giúp nâng cao nhận thức của sinh viên và thái độ của họ đối với các giọng tiếng Anh. Một lớp học về World Englishes nên được tổ chức ngay từ năm 1 để giúp các bạn sinh viên nhận thức và bước đầu giảm dần các định kiến về các giọng tiếng Anh không bản ngữ trên thế giới. Lớp học này nên được giảng dạy song song với các lớp về phát âm. Cách thức tiếp cận này cung cấp phương tiện để lựa chọn mô hình phát âm dựa trên cơ sở không xem nó là tuyệt đối mà nên xem xét trên nhiều khía cạnh bao gồm cả bối cảnh văn hóa, xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Baumgardner, R.J. (2002). Teaching world Englishes. In B.B. Kachru, Y. Kachru & C.L. Nelson (Eds.), *The Handbook of World Englishes* (pp. 661-679). Oxford: Blackwell.
- Becker, P. (1995). *The etiology of foreign accent: Towards a phonological component of identity*. Southern Illinois University, Carbondale.
- Bradac, J., & Giles, H. (1991). Social and educational consequences of language attitudes. *Moderna Språk*, 85(1), 1-11.
- Corbin, J.S. (2008). *Basics of qualitative research: Techniques and procedures for developing grounded theory* (3rd edition.). Thousand Oaks, California: Sage Publications.
- Coupland, N., & Bishop, H. (2007). Ideologised values for British accents. *Journal of Sociolinguistics*, 11(1), 74-93.
- Crystal, D. (1997). *English as a global language*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Fang, F. (2017). English as a lingua franca: Implications for pedagogy and assessment. *Teflin*, 28(1), 57-70.
- Fant, L. (2002). Hegemony's consequences: Remarks on global and lingua franca English. In I. Bartung, J. Falk, L. Fant, M. Forsgren, R.M. Jacobsen & J. Nystedt (Eds), *Melange en homage a Engwall*. Stockholm: Almqvist & Wiksell International.
- Fuertes, J.N., Jodi, C.P., & Karen, Y.R. (2002). Effects of speech accents on interpersonal evaluations: implications for counselling practice and research. *Cultural Diversity and Ethnic minority Psychology*, 8(4), 346-356.
- Gardner, R.C. (2010). *Motivation and second language acquisition: The socio-educational model*. New York: Peter Lang Publishing.
- Garrett, P. (2010). *Attitudes to language*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Giles, H., & Coupland, N. (1991). *Language: Context and consequences*. London: Taylor and Francis.
- Graddol, D., McArthur, T., Flack, D., & Amey, J. (1999). English around the world. In D. Graddol, & U. H. Meinhoff (Eds), *AILA Review 13: English in a Changing World* (pp. 3-18). Oxford: Biddles Ltd.
- Holmes, J. (1997). *An introduction to sociolinguistics*. London, New York: Routledge.
- Jenkins, J. (1998). Which pronunciation norms and models for English as an international language. *ELT Journal*, 52(2), 119-126.
- Jenkins, J. (2000). *The phonology of English as an international language: New Models, New Norms, New Goals*. Oxford: Oxford University Press.
- Jenkins, J. (2015). *Global Englishes: A resource book for students* (3rd edition). London, New York: Routledge.
- Kachru, B. (1992). *The other tongue. English across cultures* (2nd edition). Urbana, Chicago: University of Illinois Press.
- Kim, Y.S. (2007). *Korean adults' attitudes towards varieties of English*. Retrieved on June 30, 2018 from: <https://www.era.lib.ed.ac.uk/handle/1842/1903>.
- Ladegaard, H.J. (1998). National stereo types and language attitudes: The perception of British, American and Australian language and culture in Denmark. *Language & Communication*, 18, 251-274.
- Ladegaard, H., & Shachdev, I. (2008). I like the Americans... But I certainly don't aim for an American accent: Language attitudes, vitality and foreign language learning in Denmark. *Journal of Multilingual and Multicultural Development*, 27(2), 191-208.
- Lê Phương (2017). *Điều chỉnh Đề án Ngoại ngữ 2020 và kéo dài đến 2025*. Retrieved on June 30, 2018 from: <https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/de-an-ngoai-ngu-2020-that-bai-dieu-chinh-va-keo-dai-den-2025-20171229155520734.htm>.

- Mantle-Bromley, C. (1995). Positive attitudes and realistic beliefs: Links to proficiency. *The Modern Language Journal*, 79(3), 372-386.
- McGee, K. (2009). Attitudes towards accents of English at the British Council, Penang: What do the students want?. *Malaysian Journal of ELT Research*, 5(1), 162-205.
- Meerleer, M.D. (2012). *Beliefs and attitudes towards English as a lingua franca: Native and non-native pronunciation*. Ghent: Ghent University.
- Ngô Hữu Hoàng (2013). Về hiện tượng tiếng Anh của người Việt hay Vietlish. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Nghiên cứu Nước ngoài*, 29(3), 62-69.
- Nguyễn Quỳnh Trang (2015). *Non English major students' attitudes towards English native speakers and non-native speakers accents*. Retrieved on June 15, 2018 from: www.academia.edu/31252891.
- Oxford Advanced Learner's dictionary (2015). Oxford: Oxford University Press.
- Santello, M. (2010). *Direct approach to language attitudes: The semantic differential technique as a tool to identify latent dimensions*. Retrieved on June 30, 2018 from: <http://personalpages.manchester.ac.uk/staff/elke.philburn/santello.pdf>.
- Sewell, H.D. (2005). *Teaching implications of students' attitudes to differing English accents*. Birmingham: University of Birmingham.
- Tan, Y.Y. (2012). To r or not to r: Social correlates of /r/ in Singapore English. *International Journal of the Sociology of Language*, 218, 1-24.
- Trudgill, H., & Hannah, J. (1994). *International English: A guide to varieties of standard English*. London: Arnold.
- Wardhaugh, R. (1998). *An introduction to sociolinguistics*. Oxford & Malden, MA: Blackwell.
- Weinberger, S. (2007). *The speech accent archive*. Retrieved on June 30, 2018 from: <http://accent.gmu.edu/>.
- Wong, J.O. (2014). *The culture of Singapore English*. Cambridge: Cambridge University Press.

A STUDY INTO THE ATTITUDE OF FOURTH YEAR ENGLISH- MAJORED STUDENTS OF UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES, HUE UNIVERSITY TOWARDS ACCENTS IN ENGLISH LANGUAGE

Abstract: This paper presents some empirical data about attitudes and perceptions of 56 Vietnamese learners of English towards British, American accents and Vietnamese-accented English. The study found that learners showed a stronger preference for American English on key dimensions such as dimensions of status, and attractiveness of the language. The results are discussed with reference to vitality theory as well as the language-culture consonance hypothesis and the language-culture discrepancy hypothesis. In today's globalization, therefore, it is necessary to make some certain changes in the curriculum as well as in the teachers themselves to help students be aware of and gradually eliminate prejudices about non-native accents.

Keywords: Language attitude, English accents, language-culture consonance, language-culture discrepancy